

Name: .....

Vocabulary: .....

Date: .... /.... /20....

Listening: .....

Class: S3...



Mini Test: .....

## ON THE FARM

### Vocabulary & FLYERS Speaking

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé

#### A. VOCABULARY

| No. | Word               | Meaning   | No. | Word                | Meaning     |
|-----|--------------------|-----------|-----|---------------------|-------------|
| 1   | <b>cow</b> (n)     | con bò    | 7   | <b>donkey</b> (n)   | con lừa     |
| 2   | <b>hen</b> (n)     | gà mái    | 8   | <b>tractor</b> (n)  | máy kéo     |
| 3   | <b>rooster</b> (n) | gà trống  | 9   | <b>barn</b> (n)     | chuồng trại |
| 4   | <b>pig</b> (n)     | con lợn   | 10  | <b>windmill</b> (n) | cối xay gió |
| 5   | <b>goose</b> (n)   | con ngỗng | 11  | <b>crop</b> (n)     | mùa vụ      |
| 6   | <b>sheep</b> (n)   | con cừu   | 12  | <b>field</b> (n)    | cánh đồng   |

❖ **Note:** n = noun: danh từ

#### B. HOMEWORK

##### Exercise 1: Circle the correct answer

0. There are \_\_\_\_\_ cups in the kitchen.

- A. some      B. little      C. A & B

1. The \_\_\_\_\_ makes electricity (điện) by using the power of the wind.

- A. windmill      B. field      C. barn

2. I can hear the "mooing" sound of the \_\_\_\_\_ in the morning.

- A. sheep      B. cow      C. hen

3. I am eating eggs from my farm. We have a lot of \_\_\_\_\_.

- A. donkeys      B. roosters      C. hens

4. The pigs must go to their \_\_\_\_\_ after we feed them.

- A. barn      B. tractor      C. crop

5. This rice \_\_\_\_\_ is so big.

- A. crop      B. barn      C. windmill

**Exercise 2: Fill in the blanks**

|   |   |
|---|---|
| 0.<br><br><u>sweet</u> | 1.<br><br>t_____r |
| 2.<br><br>g_____e      | 3.<br><br>d_____y |
| 4.<br><br>r_____r     | 5.<br><br>w_____l |

**Exercise 3: Fill in the blanks with the words from the box**

|      |         |       |      |          |         |
|------|---------|-------|------|----------|---------|
| pigs | tractor | sheep | crop | windmill | rooster |
|------|---------|-------|------|----------|---------|

It was an early morning on the farm. Jin visited the (0) crop field and saw the (1) \_\_\_\_\_ eating next to the barn. The (2) \_\_\_\_\_ was spinning (quay) in the wind. His grandfather was driving their (3) \_\_\_\_\_ and his mother was taking the fur (lông) from the (4) \_\_\_\_\_. It was 6 a.m. and the (5) \_\_\_\_\_ was waking up the farm.



Con nghe bài nghe theo link sau:

<https://www.youtube.com/watch?v=AgaBZdNqDFk>

## Part 2

– 5 questions –

Listen and write. There is one example.



### Cycling club

Day cycling club meets: ..... Mondays .....

- 1 Name of William's classmate at the club: .....
- 2 Today children learnt about: .....
- 3 Place where children cycle: in park on .....
- 4 Children must wear: a .....
- 5 End of the year party with: .....

## MINI TEST

## Exercise 1: Arrange the words to make correct sentences

0. My / is / name / James.

⇒ My name is James.

1. lemons / These / sour / are / .

⇒ \_\_\_\_\_.

2. I / twice / watched / TV / this morning / .

⇒ \_\_\_\_\_.

3. apple / sweet / The / is / .

⇒ \_\_\_\_\_.

4. Laura / fried chicken / likes / because / crispy / they're / .

⇒ \_\_\_\_\_.

5. The / spicy / orange / is / not / .

⇒ \_\_\_\_\_.

## Exercise 2: Circle the correct answer

0. I read / reads books.1. Nancy took few / little grapes from the fridge.2. Jay has some / few milk in his bag.3. Would you like some / few chocolate?4. There is just little / few orange juice left.5. Zoe bought some / little books for her sister.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát q!

